TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 04 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 3183/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Phạm Văn N, sinh năm 1960;
Địa chỉ: B07-10, tháp B, khu C, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Đào Thị Bích H, sinh năm 1964;
Địa chỉ: B07-10, tháp B, khu C, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/12/2022 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 561, do Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố G cấp ngày 23/01/1986 thì quan hệ hôn nhân của ông N và bà H là tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông N và bà H không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét quan hệ hôn nhân của ông N và bà H không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông N và bà H xác định trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 03/11/1987 và Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 25/01/1993. Vì các con chung đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, bà H tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn N và bà Đào Thị Bích H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 561, do Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố G cấp ngày 23/01/1986 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Các con chung là Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 03/11/1987 và Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 25/01/1993 đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), bà Đào Thị Bích H tự nguyện chịu toàn bộ, được cấn trừ số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2022/0007443 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tk. Trang)./.

THẨM PHÁN

Lương Thị Thu